

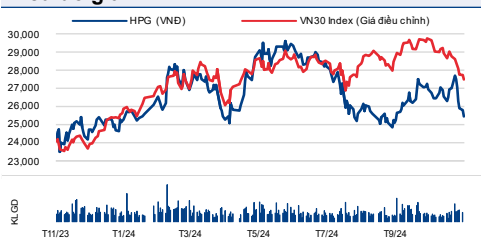
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ35,000
Tiềm năng tăng/giảm: 37.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/11/2024)	25,450
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,500-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,717
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	162,785
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,408
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,700
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	138,522	158,303
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	23,327	30,701
LNTT (tỷ đồng)	7,793	13,399	17,338
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	11,409	15,091
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(26,570)	(6,134)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,784	2,359
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,760	20,619
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	41.9	31.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	59.7	32.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	16.8	19.4
Tỷ suất LNTT (%)	6.55	9.67	11.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.67	10.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	26.6	40.3
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	53.3	54.4
ROAE (%)	6.88	10.8	12.6
ROACE (%)	8.62	11.3	13.1
EV/doanh thu (lần)	1.50	1.53	1.38
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.9	9.09	7.10
P/E ĐC (lần)	22.8	14.3	10.8
P/B (lần)	1.44	1.36	1.23
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.96	3.93

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 10/2024: Sản lượng tích cực vượt dự báo, tăng 31% so với cùng kỳ

- HPG bán 936.687 tấn thép các loại trong tháng 10 (tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 21% so với tháng trước), đánh dấu tháng có sản lượng tiêu thụ cao nhất kể từ tháng 3/2022. Nhu cầu tăng ở tất cả các phân khúc sản phẩm (ngoại trừ HRC).
- Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng vọt 34% so với cùng kỳ và tăng 23% so với tháng trước lên 453.476 tấn nhờ nhu cầu trong nước tăng mạnh sau bão Yagi. Nhu cầu trong nước đối với tôn mạ/ống thép cũng vững chắc trong tháng 10. Trong khi đó, sản lượng xuất khẩu phối thép cũng tăng mạnh 488% so với cùng kỳ và tăng 95% so với tháng trước.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu 35.000đ (tiềm năng tăng giá: 38%).

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 10/2024

Ngày 19/11/2024, Hiệp hội Thép Việt Nam công bố báo cáo hàng tháng. Theo đó, HPG bán 936.687 tấn thép trong tháng 10 (tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 21% so với tháng trước), đánh dấu tháng có sản lượng tiêu thụ cao nhất kể từ tháng 3/2022. Nhu cầu tăng ở hầu hết các phân khúc sản phẩm, ngoại trừ HRC. Chi tiết như sau:

Nhu cầu trong nước thúc đẩy sản lượng tiêu thụ thép xây dựng...

Trong tháng 10, HPG bán 453.476 tấn thép xây dựng, tăng 34% so với cùng kỳ và tăng 23% so với tháng trước, nhờ nhu cầu trong nước tăng sau bão Yagi trong tháng 9. Cơ cấu sản phẩm được cải thiện (ưu tiên thị trường trong nước) có thể sẽ hỗ trợ HPG nâng cao tỷ suất lợi nhuận trong Q4/2024. Trong đó:

- Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh 65% so với cùng kỳ và 44% so với tháng trước, đạt 378.032 tấn, mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/2022. HSC cho rằng nhu cầu tăng mạnh sau bão và sự phục hồi tích cực của hoạt động xây dựng (ở cả hai mảng xây dựng dân dụng và đầu tư công) đã thúc đẩy tiêu thụ thép xây dựng trong nước.
- Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu kém khả quan, với mức giảm 32% so với cùng kỳ và 30% so với tháng trước, xuống 75.444 tấn.

Trong 10 tháng đầu năm 2024, HPG bán 3,78 triệu tấn thép xây dựng, tăng 29,6% so với cùng kỳ, và tiếp tục mở rộng thị phần lên 38%, so với 35% trong năm 2023. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đóng góp 48% (không đổi) tổng sản lượng tiêu thụ thép trong 10 tháng đầu năm 2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ thép tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2024, HPG
Sản lượng tiêu thụ tăng ở hầu hết các phân khúc sản phẩm, trừ HRC

Tân	T10/2024	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước	10T2024	% so với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	808,680	27.2%	18.4%	6,906,424	31.5%
Thép xây dựng	453,476	33.6%	22.5%	3,776,894	29.6%
Phôi thép	132,771	488.0%	95.0%	638,571	696.3%
HRC	222,433	-18.7%	-9.2%	2,490,959	10.4%
Ống thép	84,601	56.0%	41.7%	586,954	8.3%
Tôn mạ	43,406	65.2%	41.6%	388,163	45.4%
Tổng sản lượng bán hàng	936,687	30.8%	21.1%	7,881,541	30.1%
Tổng thép thô sản xuất	729,611	17.8%	8.9%	7,175,049	32.0%

Nguồn: HPG, HSC

...trong khi HRC chịu áp lực do hành vi bán phá giá từ Trung Quốc

HRC nhập khẩu trong tháng 10 đạt mức cao kỷ lục 1,6 triệu tấn (tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ và tăng 33% so với tháng trước), cao hơn 3 lần so với sản lượng sản xuất trong nước. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ HRC của các nhà sản xuất trong nước, trong đó có HPG. Theo đó, sản lượng tiêu thụ trong tháng 10 kém tích cực, chỉ đạt 222.433 tấn, giảm 19% so với cùng kỳ và giảm 9% so với tháng trước. Trong đó:

- Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng 2% so với cùng kỳ nhưng giảm 15% so với tháng trước, đạt 145.887 tấn.
- Sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 41% so với cùng kỳ nhưng tăng nhẹ 4% so với tháng trước, đạt 76.546 tấn.

Trong 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ HRC vẫn tăng 10% so với cùng kỳ lên 2,5 triệu tấn và đóng góp khoảng 32% tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG (so với mức đóng góp 37% trong 10 tháng đầu năm 2023). Chúng tôi lưu ý rằng HRC nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2024 tăng mạnh 34% so với cùng kỳ lên 10,4 triệu tấn (tương đương 183% sản lượng sản xuất trong nước). Với mức giá bán thấp hơn 10% so với các nước khác trong khu vực, giá HRC tại Việt Nam rõ ràng bị ảnh hưởng bởi hành vi bán phá giá của Trung Quốc. Chúng tôi đang theo dõi quyết định về AD20 (công tác điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm HRC nhập từ Trung Quốc và Ấn Độ vào Việt Nam), dự kiến sẽ có thông báo vào tháng 12/2024.

Phôi thép cũng là một điểm sáng trong tháng

Trong tháng 10, sản lượng tiêu thụ phôi thép tăng mạnh 488% so với cùng kỳ và tăng 95% so với tháng trước, đạt 132.771 tấn. Hầu hết lượng phôi thép trên (khoảng 78%) được xuất khẩu sang các nước ASEAN. Điều này đã giúp HPG nâng cao công suất hoạt động của các nhà máy lên mức tối đa. Theo đó, công suất hoạt động trong tháng 10 đạt 104% với sản lượng sản xuất thép thô đạt 729.661 tấn, tăng 18% so với cùng kỳ và tăng 9% so với tháng trước.

Đối với hoạt động sản xuất thép, chỉ cần vận hành nhà máy với công suất hoạt động tối đa, công ty sẽ đạt chi phí sản xuất tốt nhất. Điều này sẽ giúp công ty cải thiện tỷ suất lợi nhuận. Trong 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ phôi thép đạt 638.571 tấn, tăng 696% so với cùng kỳ. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ thép thô cũng tăng mạnh 32% so với cùng kỳ lên 7,18 triệu tấn trong 10 tháng đầu năm 2024.

Tôn mạ/ống thép cũng vững chắc trong tháng 10, nhờ nhu cầu trong nước

HPG bán tổng cộng 84.601 tấn ống thép, tăng 56% so với cùng kỳ và tăng 42% so với tháng trước và hầu hết lượng ống thép này được tiêu thụ trong nước. Chúng tôi lưu ý rằng đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 3/2022. Theo đó, trong 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ ống thép đạt 586.954 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ.

Sản lượng tiêu thụ tôn mạ tăng mạnh 65% so với cùng kỳ và tăng 42% so với tháng trước đạt 43.406 tấn, nhờ nhu cầu trong nước cao (tăng 91% so với cùng kỳ và 15% so với tháng trước lên 26.299 tấn) và cải thiện ở hoạt động xuất khẩu (tăng 37% so với cùng kỳ và 122% so với tháng trước lên 17.107 tấn). Kết quả trên đẩy sản lượng tiêu thụ 10 tháng đầu năm 2024 lên 388.163 tấn, tăng 45% so với cùng kỳ.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 35.000đ (tiềm năng tăng giá: 38%)

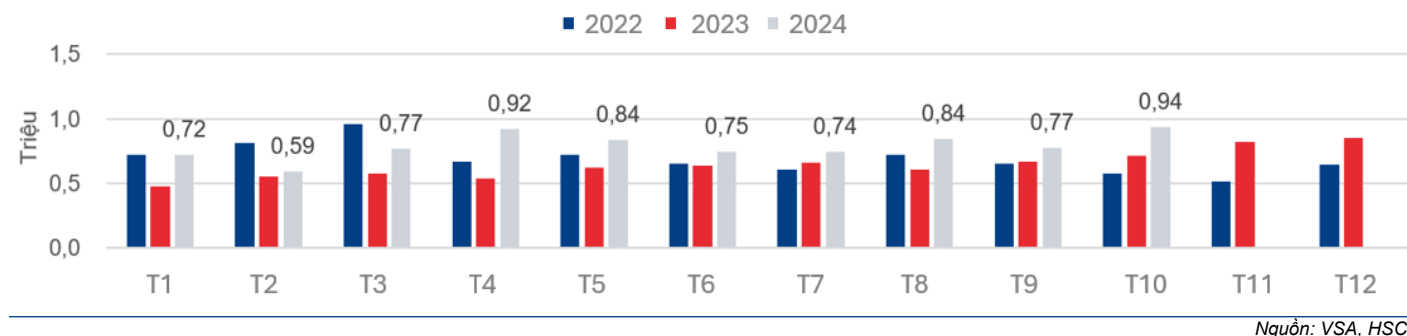
HSC giữ quan điểm tích cực đối với HPG, với lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm là 43%. Theo quan sát của chúng tôi, giá thép trong nước có vẻ bắt đầu ổn định từ tháng 10. Theo đó, giá thép thanh/thép cuộn đang giao dịch quanh mức 13.700đ/kg, tăng 1-2% kể từ mức đáy được ghi nhận vào

cuối tháng 9/2024. Trong khi đó, giá HRC cho đơn hàng giao trong tháng 1/2025 ở mức 13.560đ/kg, cao hơn so với mức 12.800đ/kg được áp dụng cho đơn hàng giao trong tháng 11/2024.

Chúng tôi tin rằng nhu cầu phục hồi lành mạnh ở cả hai thị trường, Trung Quốc (được hỗ trợ bởi gói kích thích kinh tế) và Việt Nam (được hỗ trợ bởi hoạt động đầu tư công và sự phục hồi của thị trường BĐS), sẽ dần cải thiện giá thép. Đáng lưu ý, khi thuế chống bán phá giá AD02 được áp dụng, chúng tôi tin rằng giá HRC tại Việt Nam sẽ đón nhận động lực tăng trưởng tích cực để có thể tăng cao hơn nữa.

Biểu đồ 2: Sản lượng tiêu thụ của HPG qua các tháng (tấn)

Sản lượng tiêu thụ tháng 10/2024 đạt mức cao nhất kể từ tháng 3/2022



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	138,522	158,303	192,008
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	18,694	24,486	30,565
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(4,017)	(4,591)	(5,376)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	14,677	19,895	25,189
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,347)	(2,636)	(3,719)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	69.3	79.2	96.0
LNTT	9,923	7,793	13,399	17,338	21,566
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,340)	(1,387)	(1,725)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	(50.0)	(66.1)	(82.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	12,009	15,885	19,758
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	11,409	15,091	18,770
EBITDA ĐC	19,893	16,443	23,327	30,701	37,613
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,878	2,483	3,089
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,784	2,359	2,935
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	15,226	16,283	27,467
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	13,852	15,830	19,201
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	13,852	15,830	19,201
Hàng tồn kho	34,491	34,504	40,171	46,700	57,603
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	4,848	6,332	8,640
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	87,951	100,976	132,111
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	123,576	132,476	119,881
TSCĐ vô hình	634	211	232	255	281
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	6,553	7,472	9,044
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	130,929	140,741	129,711
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	218,879	241,717	261,822
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	58,179	60,155	67,203
Phải trả người bán	11,107	12,387	13,852	15,830	19,201
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,282	2,207	2,317
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	76,278	80,438	91,444
Nợ dài hạn	11,152	10,399	20,152	26,870	23,511
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	2,339	2,340	2,342
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	22,491	29,210	25,853
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	98,769	109,648	117,297
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	119,994	131,887	144,261
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	116	182	264
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	120,110	132,069	144,525
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	218,879	241,717	261,822
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,760	20,619	22,554
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	63,105	70,742	63,247

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	14,677	19,895	25,189
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(8,650)	(10,806)	(12,425)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,347)	(2,636)	(3,719)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,340)	(1,387)	(1,725)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(14,035)	(15,570)	(24,607)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,471)	(3,491)	(4,709)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	7,765	13,565	11,119
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(34,335)	(19,699)	177
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	8,211	(1,998)	(3,404)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(26,013)	(21,538)	(3,092)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	24,405	15,426	12,751
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	21,207	9,029	3,157
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	15,226	16,283
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	2,959	1,057	11,183
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	15,226	16,283	27,467
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(26,570)	(6,134)	11,296

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.5	15.5	15.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	16.8	19.4	19.6
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.67	10.0	10.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	10.0	8.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	16.5	14.3	21.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	41.9	31.6	22.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	75.7	32.3	24.4
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	59.7	32.3	24.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	59.7	32.3	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	26.6	40.3	48.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	10.8	12.6	14.3
ROACE (%)	12.3	8.62	11.3	13.1	15.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.68	0.69	0.76
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.53	0.68	0.44
Số ngày tồn kho	101	119	122	127	130
Số ngày phải thu	29.0	36.8	42.2	43.2	43.4
Số ngày phải trả	32.5	42.6	42.2	43.2	43.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	53.3	54.4	44.7
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.2	36.4	35.1
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.9	7.55	6.77
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.40	2.87	2.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.15	1.26	1.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.21	1.50	1.53	1.38	1.08
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.62	10.9	9.09	7.10	5.51
P/E (lần)	17.4	21.7	13.6	10.2	8.24
P/E ĐC (lần)	18.4	22.8	14.3	10.8	8.67
P/B (lần)	1.54	1.44	1.36	1.23	1.13
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.96	3.93	5.89

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn